

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM TÀI CHÍNH 2014**

**(TỪ 01/04/2014 ĐẾN 31/03/2015)**

**HÀ NỘI, THÁNG 5/2015**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

**Năm báo cáo: 2014**

**(Từ ngày 01/4/2014 đến 31/3/2015)**

### **I. THÔNG TIN CHUNG:**

#### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101275603
- Vốn điều lệ: 27.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 27.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-4) 37534862
- Số fax: (84-4) 38361898
- Website: <http://www.vangthanglong.com.vn>
- Mã cổ phiếu: **VTL**

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tiền thân là Xí nghiệp nước giải khát Thăng Long ra đời ngày 24 tháng 3 năm 1989 trực thuộc Công ty Rượu bia Hà Nội.
- Ngày 16/8/1993: Đổi tên thành Công ty Rượu nước giải khát Thăng Long.
- Năm 2001, thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Thăng Long theo Quyết định số 54/2001/QĐ-TTg ngày 23/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Công ty Cổ phần Thăng Long với số vốn điều lệ ban đầu 11,6 tỷ đồng.
- Tháng 11/2003: Công ty tăng vốn lên 14.047.100.727 đồng.
- Năm 2005: Công ty tăng vốn lên 18.000.000.000 đồng
- Ngày 14/7/2005: Cổ phiếu Công ty được niêm yết và giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 25/5/2009: Đổi tên Công ty cổ phần Thăng Long thành Công ty cổ phần Vang Thăng Long (Giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 8 số 0103001012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 25/5/2009).
- Ngày 22/10/2009: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long, vốn điều lệ 3.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104008334), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.
- Ngày 19/6/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 27.000.000.000 đồng.
- Ngày 08/10/2013: Thành lập Công ty con: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư địa ốc Thăng Long, vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106328714), do Công ty cổ phần Vang Thăng Long làm chủ sở hữu.

#### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

##### **3.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất rượu vang.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng).



- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa).
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô).
- Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến, bảo quản thức ăn đông lạnh; Sản xuất các mặt hàng công nghệ phẩm).
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh; Kinh doanh xuất nhập khẩu thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm; Buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm; Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống; Kinh doanh thực phẩm chế biến).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy hải sản).
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, thủy hải sản; Sản xuất các mặt hàng tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Ký gửi hàng nông, lâm, thủy hải sản).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở; Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày).
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền SX nước giải khát có gas).
- Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn).
- Bán buôn gạo (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu lương thực; Kinh doanh lương thực).
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ; Buôn bán hàng thủ công mỹ nghệ).
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng nhựa, hàng tiêu dùng; Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất; Buôn bán các mặt hàng nhựa).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc; Buôn bán hàng may mặc đồ da và giả da).
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế).
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke))
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Buôn bán vật liệu và thiết bị xây dựng).
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).
- Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc đồ da và giả da).
- In ấn (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm in các loại).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Buôn bán sản phẩm in các loại).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không có cồn).
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất các loại bao bì).
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn).
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh).
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

**3.2. Địa bàn kinh doanh:** Toàn quốc

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

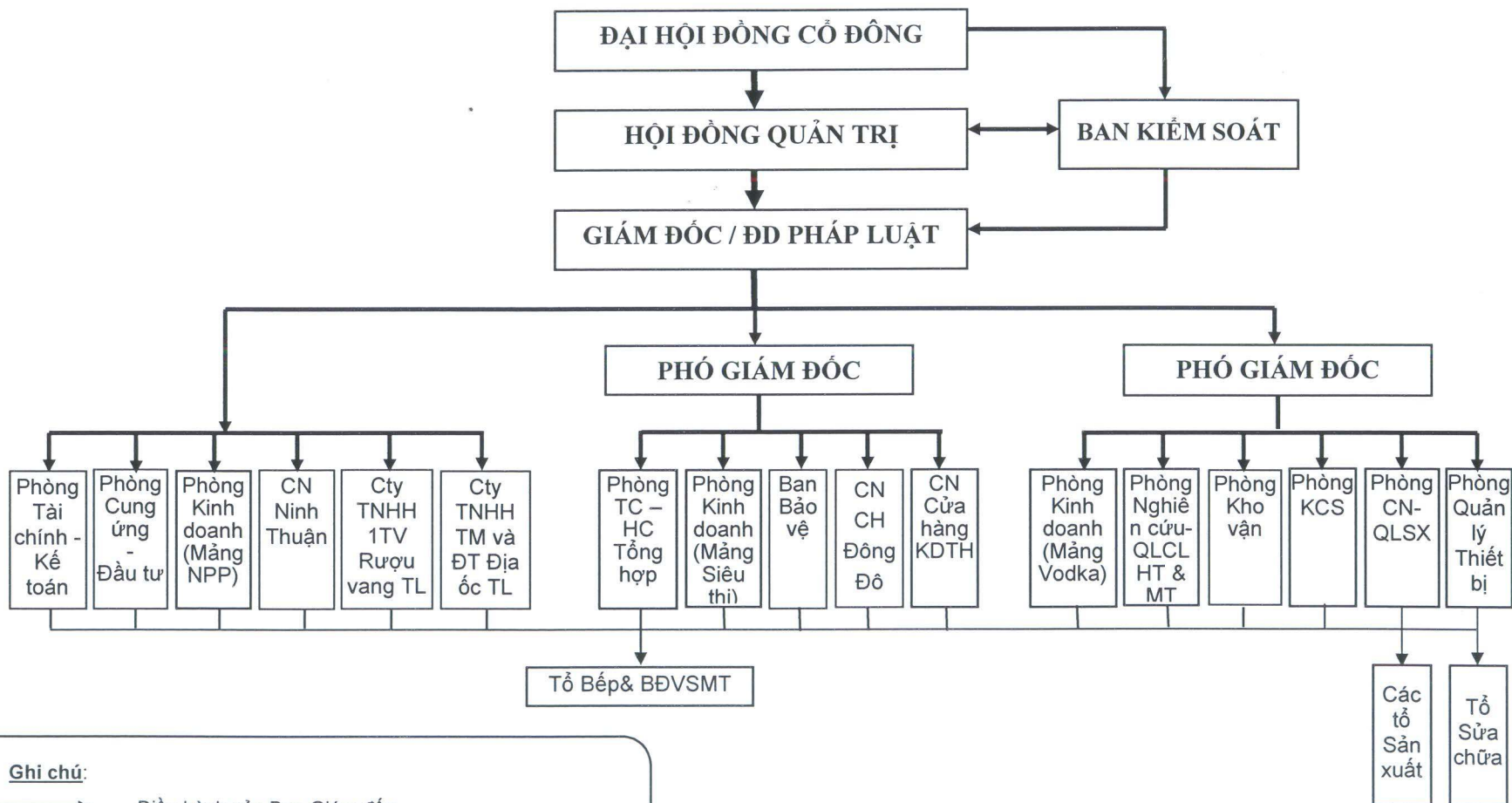
**4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:**

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Giám đốc và các Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau:



SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG NĂM TÀI CHÍNH 2014



**Ghi chú:**

- Điều hành của Ban Giám đốc
- Điều hành cấp Phòng
- Phối hợp công việc giữa các Phòng, Ban và các đơn vị.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

---

### **4.2. Hệ thống chi nhánh:**

- Chi nhánh Cửa hàng kinh doanh Tổng hợp  
Địa chỉ: Số 181 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Chi nhánh Cửa hàng Đông Đô  
Địa chỉ: Số 40 Phố Huế, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Ninh Thuận  
Địa chỉ: Số 62A Lê Duẩn, TP Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận.

### **4.3. Công ty con:**

#### **4.3.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long**

- Địa chỉ: Số 3, ngõ 191 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không cồn, hàng công nghệ phẩm.
- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long.

#### **4.3.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long**

- Địa chỉ: Số 343 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Vốn điều lệ thực góp: 6.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long.

### **5. Định hướng phát triển:**

#### **5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Xây dựng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long thành Công ty vững mạnh, chuyên nghiệp, phấn đấu trở thành một Công ty cung cấp rượu vang hàng đầu Việt Nam.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, HACCP và ISO 14001:2004.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm Vang Thăng Long, đưa ra các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường theo thói quen tiêu dùng quốc tế hướng tới xuất khẩu sang thị trường khu vực và các nước Châu Á.
- Củng cố, phát triển vùng nguyên liệu sạch, chất lượng cao tại các tỉnh phía Nam đồng thời xây dựng và mở rộng tại các tỉnh phía Bắc để chủ động nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.
- Củng cố, hoàn thiện kênh phân phối, có chính sách hợp lý và linh hoạt đối với các đối tượng khách hàng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Xây dựng chi phí hợp lý, thực hành tiết kiệm, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành sản xuất - kinh doanh.
- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu phát triển thị trường.

#### **\* Mục tiêu trước mắt:**

- Giữ vững sự ổn định phát triển sản xuất kinh doanh, phát huy tính tự chủ, độc lập, sáng tạo đoàn kết nhằm tăng cường sức mạnh nội lực.
- Đẩy mạnh phát triển thị trường đối với sản phẩm Vang Thăng Long trên toàn quốc.
- Thúc đẩy tiến độ các dự án xây dựng để sớm đưa vào khai thác, sử dụng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh để thương hiệu Vang Thăng Long ngày càng được khẳng định trên thị trường, giành được sự quan tâm và tin tưởng của người tiêu dùng trong và ngoài nước.



**5.2. Chiến lược phát triển:**

- Mở rộng hệ thống tiêu thụ trong nước.
- Phát triển hệ thống đại lý quốc tế.
- Duy trì và không ngừng phát triển thương hiệu Vang Thăng Long có uy tín cao tại thị trường Việt Nam, trong khu vực và Châu Á.
- Đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất Vang Thăng Long.
- Mở rộng đầu tư xây dựng, kinh doanh văn phòng, nhà ở.

**6. Các rủi ro:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vang Thăng Long là sản xuất các loại rượu Vang - các sản phẩm được lên men từ các loại trái cây nhiệt đới sẵn có của Việt Nam như: Dâu, mơ, sơn tra, dứa, nho...

Vì vậy, điều kiện về thời tiết là một trong những yếu tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty, ảnh hưởng đến sản lượng, chất lượng và giá thành của sản phẩm.

Ngoài ra, các rủi ro về giá cả, tín dụng và thị trường cũng có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2014 (Từ ngày 01/4/2014 đến 31/3/2015):****1. Tình hình sản xuất kinh doanh:**

Một số chỉ tiêu chủ yếu: (Số liệu đã được kiểm toán và chưa được quyết toán thuế)

TT	Chỉ tiêu	KH năm tài chính 2014	TH năm tài chính 2014	Tỷ lệ đạt (%)
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	110	88,3	80,27
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	3	2,47	82,3
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	2,34	1,9	81,2
4	Thu nhập BQ NLD/tháng (triệu đồng / người / tháng)	3,9	4,4	112,8
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6	6	100

\* **Đánh giá:** Qua số liệu trên cho thấy

- Doanh thu thấp hơn so với kế hoạch là do trong năm tài chính 2014 Công ty đã giải thể Chi nhánh Cửa hàng Đông Đô và Chi nhánh Cửa hàng Kinh doanh Tổng Hợp làm ảnh hưởng hiệu quả nên doanh thu giảm;

- Lợi nhuận thấp hơn so với kế hoạch là do:

+ Chi phí xử lý bao bì - nhãn mác, chi phí lao động... để xử lý hàng tồn kho năm 2013 gần 2 tỷ đồng;

+ Nợ đầu kỳ của năm tài chính 2014 rất lớn do hàng tồn kho năm 2013 rất cao phải chịu chi phí lãi vay;

+ Sản xuất với số lượng ít nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác gần như không thay đổi lên chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm cao;

+ Trả trợ cấp thôi việc gần 1,0 tỷ đồng.

Mặc dù có những khó khăn do chủ quan và khách quan như đã nêu trên, nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và cùng toàn thể CBNV Công ty bằng các giải pháp



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

thị trường, tái cơ cấu tổ chức - hoạt động, tài chính, khai thác tối đa hệ thống mạng lưới..  
nên đã đảm bảo cổ tức đạt 100% so với kế hoạch.

**2. Tổ chức và nhân sự:****2.1. Danh sách Ban điều hành:**

\* Từ 01/4/2014 đến ngày 02/7/2014:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Tô Thanh Huyền	Phó giám đốc	0		
2	Phạm Văn Vinh	Phó giám đốc	0		
3	Vũ Minh Đức	Phó giám đốc	0		
4	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	450	0,02%	

\* Từ ngày 03/7/2014 đến 04/11/2014:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Tô Thanh Huyền	Phó giám đốc	0		Nghỉ hưu từ 04/11/2014
2	Phạm Văn Vinh	Phó giám đốc	0		
3	Vũ Minh Đức	Phó giám đốc	0		Miễn nhiệm 04/11/2014
4	Phạm Ngọc Quý	Phó giám đốc	0		Bổ nhiệm 03/7/2014
5	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	450	0,02%	

\* Từ ngày 05/11/2014 đến 31/3/2015:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
2	Phạm Văn Vinh	Phó giám đốc	0		
4	Phạm Ngọc Quý	Phó giám đốc	0		
5	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	450	0,02%	

\* Tóm tắt lý lịch Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2015:

**2.1.1.**Họ và tên: **Phạm Văn Vinh** Giới tính: Nam

Họ và tên thường gọi: Phạm Văn Vinh

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1976

Quê quán: Xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, Hải Dương

Nơi thường trú: Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sinh học

Trình độ chính trị: Sơ cấp

Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- 1995 - 1999: Học tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên Hà Nội

- T3/2001 - T5/2004: Cán bộ nghiên cứu, Phòng Nghiên cứu - Đầu tư - Phát triển Công ty Cổ phần Thăng Long

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- T5/2004 - T5/2006: Cán bộ kỹ thuật, Phòng Công nghệ - Quản lý sản xuất Công ty Cổ phần Thăng Long
- T6/2006 - T12/2006: Cán bộ kỹ thuật, Phòng Công nghệ - Quản lý hệ thống Công ty Cổ phần Thăng Long
- T1/2007 - T6/2009: Phó phòng Công nghệ - Nghiên cứu sản phẩm Công ty Cổ phần Thăng Long
- T7/2009 - T5/2012: Trưởng phòng Công nghệ - Quản lý sản xuất Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- T6/2012 đến nay: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

**2.1.2.**

Họ và tên: **Phạm Ngọc Quý** Giới tính: Nam  
 Họ và tên thường gọi: Phạm Ngọc Quý  
 Sinh ngày: 03 tháng 10 năm 1963  
 Nơi thường trú: A19 Tập thể Intimex, ngõ 252 đường Hoàng Quốc Việt, Từ Liêm, Hà Nội.  
 Nơi ở hiện nay: Số nhà 5B-B11, 34A Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.  
 Dân tộc: Kinh  
 Tôn giáo: Không  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
 Trình độ chính trị: Cao cấp  
 Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long  
 Chức vụ: Phó giám đốc Công ty

**Tóm tắt quá trình học tập, công tác**

- T6/1987 - T5/1999: Cán bộ phòng XNK Nông sản - Tổng công ty Xuất nhập khẩu nội thương và Hợp tác xã (Intimex).
- T6/1999 - T9/2001: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty XNK Dịch vụ Thương mại (Intimex) tại Hải Phòng, Chủ tịch Công đoàn Chi nhánh.
- T10/2001 - T7/2003: Giám đốc Chi nhánh Công ty XNK Dịch vụ Thương mại (Intimex) tại Hải Phòng, Ủy viên BCH Công đoàn Công ty XNK Intimex.
- T8/2003 - T10/2009: Giám đốc Công ty Trung tâm Thương mại Intimex tại Hà Nội, Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty XNK Intimex, Ủy viên BCH - Phó chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần XNK Intimex Việt Nam, quyền bí thư Đảng ủy bộ phận Trung tâm thương mại Intimex.
- T11/2009 - T12/2009: Chuyên viên chính Công ty cổ phần Intimex Việt Nam.
- T1/2010 - T6/2010: Cán bộ Tổng công ty Thương mại Hà Nội, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển siêu thị Hà Nội.
- T7/2010 - T4/2013: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Hà Nội.
- T4/2013 - T6/2014: Phó chánh Văn phòng Tổng công ty Thương mại Hà Nội.
- T7/2014 đến nay: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

**2.1.4.**

Họ và tên: **Trần Thị Hoàng Liên** Giới tính: Nữ  
 Họ và tên thường gọi: Trần Thị Hoàng Liên  
 Sinh ngày: 15 tháng 08 năm 1974  
 Quê quán: Quảng Minh, Quảng Trạch, Quảng Bình  
 Nơi thường trú: Số 27 ngách 235/15 Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Dân tộc: Kinh  
 Tôn giáo: Không  
 Trình độ văn hóa: 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
 Trình độ chính trị: Trung cấp  
 Nơi công tác: Công ty cổ phần Vang Thăng Long  
 Chức vụ: Kế toán trưởng

Tóm tắt quá trình học tập, công tác

- T9/1992 - 1996: Học Trường Đại học kinh tế quốc dân - Chuyên ngành Kinh tế quốc tế
- T12/1996 - T4/2001: Nhân viên Phòng Hành chính Công ty Rượu - NGK Thăng Long
- T4/2001 - T5/2005: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T5/2006: Quyền trưởng Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- T5/2005 - T6/2007: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kế toán - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
- T5/2006 - 30/1/2008: Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Thăng Long
- 31/1/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vang Thăng Long

**\* Những thay đổi trong Ban điều hành:**

- Bà Tô Thanh Huyền nghỉ hưu kể từ ngày 04/11/2014.
- Ông Vũ Minh Đức miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc kinh doanh từ ngày 04/11/2014.
- Ngày 03/7/2014: Bổ nhiệm Ông Phạm Ngọc Quý làm Phó giám đốc Công ty cổ phần Vang Thăng Long.

**2.2. Số lượng CNCNV:**

STT	Đơn vị	31/3/2014	31/3/2015	Ghi chú
1	Khối Vang	160	127	
3	Chi nhánh CH KDTH	6	6	
4	Chi nhánh CH Đông Đô	7	0	
6	Chi nhánh Ninh Thuận	3	2	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>176</b>	<b>135</b>	

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:****3.1. Tình hình thực hiện các dự án:**

Trong năm tài chính 2014, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đang tiếp tục triển khai các dự án:

+ Dự án 343 Lạc Long Quân: Việc chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất tại 343 Lạc Long Quân - Cầu Giấy - Hà Nội cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục.

+ Dự án 181 Lạc Long Quân: Đã tìm được một số đối tác để hợp tác kinh doanh nhưng đang chờ UBND Thành phố Hà Nội, Sở quy hoạch kiến trúc phê duyệt quy hoạch phân khu.

**3.2. Công ty con:**

Năm tài chính 2014 vẫn là một năm còn có những khó khăn nhất định, kéo theo nhu cầu tiêu dùng cũng bị giảm. Những khó khăn này đã tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ hàng hóa hoạt động của các Công ty con của Công ty gặp không ít khó khăn trong và tìm kiếm đối tác kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Niên độ kế toán của các Công ty con năm 2014 được bắt đầu từ ngày 01/4/2014 và kết thúc vào ngày 31/3/2015.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con đạt được như sau:

**3.2.1. Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long:**

Nội dung	TH 2013	TH 2014	So sánh TH 2014/2013
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	65,17	58,54	89,83%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	58,24	56,93	97,75%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	0,65	0,29	44,62%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	0,54	0,22	40,74%

**3.2.2. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long:**

Nội dung	TH 2013	TH 2014	So sánh TH 2014/2013
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	0	0	
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	0	0	
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	0	0	

**4. Tình hình tài chính:****a) Tình hình tài chính:**

Đơn vị tính: Đồng VN

Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	102.200.744.088	105.696.663.530	103,42%
Doanh thu thuần	81.524.353.942	76.139.440.566	93,39%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	439.327.450	706.447.485	160,80%
Lợi nhuận khác	2.087.077.731	1.760.784.793	84,37%
Lợi nhuận trước thuế	2.526.405.181	2.467.232.278	97,66%
Lợi nhuận sau thuế	2.378.303.460	1.903.321.177	80,03%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	4,5%	6%	133,33%

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,19	1,15	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,39	0,42	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,70	0,71	
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	2,36	2,45	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,23	1,13	
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,9	0,72	
<b>4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời:</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,02	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,05	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,014	0,018	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,005	0,009	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:****5.1. Cổ phần:**

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vang Thăng Long
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần: 2.700.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành và cổ phiếu quỹ:

Loại cổ phiếu	Số cổ phiếu
1. Cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000
2. Cổ phiếu quỹ	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.700.000</b>

**5.2. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 27/4/2015:**

- Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn	1.841.655	68,2%	4
Cổ đông nhỏ	858.345	31,8%	286
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.700.000</b>	<b>100%</b>	<b>290</b>

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông tổ chức	1.103.535	40,9%	10
Cổ đông cá nhân	1.596.465	59,1%	280
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.700.000</b>	<b>100%</b>	<b>290</b>

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước	2.660.300	98,5%	270
Cổ đông nước ngoài	39.700	1,5%	20
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.700.000</b>	<b>100%</b>	<b>290</b>

- Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
Cổ đông nhà nước	1.079.955	40%	1
Cổ đông khác	1.620.045	60%	289
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.700.000</b>	<b>100%</b>	<b>290</b>

(Cổ đông Nhà nước là Tổng công ty Thương mại Hà Nội)

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có****5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có****5.5. Các chứng khoán khác: Không có**



**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:**

**1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2014:**

Một số chỉ tiêu chủ yếu: (Số liệu đã được kiểm toán và chưa được quyết toán thuế)

TT	Chi tiêu	KH năm tài chính 2014	TH năm tài chính 2014	Tỷ lệ đạt (%)
1	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	110	88,3	80,27
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	3	2,47	82,3
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	2,34	1,9	81,2
4	Thu nhập BQ NLĐ/tháng (triệu đồng / người / tháng)	3,9	4,4	112,8
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	6	6	100

\* **Đánh giá:** Qua số liệu trên cho thấy

- Doanh thu thấp hơn so với kế hoạch là do trong năm tài chính 2014 Công ty đã giải thể Chi nhánh Cửa hàng Đông Đô và Chi nhánh Cửa hàng Kinh doanh tổng hợp làm ảnh hưởng hiệu quả nên doanh thu giảm;

- Lợi nhuận thấp hơn so với kế hoạch là do:

+ Chi phí xử lý bao bì - nhãn mác, chi phí lao động... để xử lý hàng tồn kho năm 2013 gần 2 tỷ đồng;

+ Nợ đầu kỳ của năm tài chính 2014 rất lớn do hành tồn kho năm 2013 rất cao phải chịu chi phí lãi vay;

+ Sản xuất với số lượng ít nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác gần như không thay đổi lên chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm cao;

+ Trả trợ cấp thôi việc gần 1,0 tỷ đồng .

Mặc dù có những khó khăn do chủ quan và khách quan như đã nêu trên, nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và cùng toàn thể CBNV Công ty bằng các giải pháp thị trường, tái cơ cấu tổ chức - hoạt động, tài chính, khai thác tối đa hệ thống mạng lưới.. nên đã đảm bảo cổ tức đạt 100% so với kế hoạch.

**2. Lợi nhuận và phân chia lợi nhuận năm tài chính 2014:**

**2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2014:**

- Tổng doanh thu hoạt động SXKD: 88.319.689.818 đồng

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 2.467.784.793 đồng

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 1.903.321.177 đồng

**2.2. Phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2014:**

- Thực hiện chia cổ tức 6%: 1.620.000.000 đồng

- Số còn lại của lợi nhuận sau thuế, chờ quyết toán thuế xong sẽ bổ sung quỹ khen thưởng và phúc lợi: 283.321.177 đồng

**3. Kết quả thực hiện các dự án đầu tư:**

Dự án	KQ thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo
1. Dự án 343 Lạc Long Quân	Việc chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất tại 343 Lạc Long Quân - Cầu Giấy - Hà Nội cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục.
2. Dự án 181 Lạc Long Quân.	Đã tìm được một số đối tác để hợp tác kinh doanh nhưng đang chờ UBND Thành phố Hà Nội, Sở quy hoạch kiến trúc phê duyệt quy hoạch phân khu.



**4. Phương hướng nhiệm vụ - Giải pháp thực hiện năm tài chính 2015:**

**4.1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:**

- Tổng doanh thu	95 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	3,5 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân người lao động:	4,5 triệu đồng / người / tháng
- Cổ tức:	Tối thiểu 8%

**4.2. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện:**

**4.2.1. Về tổ chức lao động tiền lương:**

- Tiếp tục thực hiện Tái cơ cấu tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động kinh doanh đảm bảo mục tiêu “*Tinh - gọn - hiệu quả*”
- Nghiên cứu cải tiến chế độ tiền lương gắn với năng suất lao động và hiệu quả.

**4.2.2. Công tác tài chính:**

- Tiếp tục tìm kiếm các nguồn vốn vay ngắn hạn giá rẻ, đồng thời tìm kiếm nguồn vốn đầu tư trung và dài hạn có lãi suất tốt để hỗ trợ cho các công trình đầu tư của Công ty.
- Quản lý tốt dòng tiền, tăng cường công tác kiểm soát công nợ, giảm thiểu rủi ro tài chính do công nợ quá hạn, mất khả năng thanh toán.
- Thực hiện rà soát lại các khoản mục chi phí, tiếp tục nhất quán chủ trương tiết giảm chi phí, thực hiện tiết giảm bắt buộc ở một số khoản mục phí như chi phí quản lý gián tiếp, chi phí lao động, chi phí vận tải, chi phí văn phòng.

**4.2.3. Về công tác thị trường:**

- Từng bước thiết lập và quản trị kênh phân phối để kiểm soát dòng chảy sản phẩm trên thị trường;
- Tăng cường các biện pháp marketing để phát triển thương hiệu và thúc đẩy bán hàng nhất là những sản phẩm mới

**4.2.4. Về công tác sản xuất và nghiên cứu khoa học:**

- Duy trì ổn định chất lượng sản phẩm và ATTP; nâng cao năng lực sản xuất, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Tiếp tục nghiên cứu Công nghệ mới để giảm tối đa chi phí sản xuất.

**4.2.5. Công tác đầu tư:**

- Sau khi UBND Thành Phố Hà Nội, sở quy hoạch Kiến Trúc phê duyệt quy hoạch phân khu sẽ tiếp tục làm việc với các đối tác để hợp tác đầu tư hoặc hợp tác kinh doanh tại 181 Lạc Long Quân.
- Đẩy nhanh việc hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất tại 343 Lạc Long Quân.
- Hoàn thành các hạng mục công trình đang đầu tư: Hệ thống tầng trữ các loại vang chất, Hệ thống chiết rót - đóng nút Vang Thăng Long truyền thống, Xưởng sản xuất rượu vodka tại 323 - Vĩnh Hưng - Hoàng Mai - Hà Nội.

**2.6. Các công tác khác:**

- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu vào.
- Kiểm soát hàng hóa tồn kho để nâng cao hiệu quả.
- Tích cực quản lý và khai thác tối đa Hệ thống cơ sở vật chất.
- Nâng cao hiệu quả công việc, duy trì, ổn định việc làm, thu nhập cho CB NV trong Công ty.
- Tích cực triển khai áp dụng Công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp.
- Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên tích cực phối hợp hoạt động đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ đề ra năm tài chính 2015.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2014:**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty năm tài chính 2014:**

###### **1.1. Những khó khăn, thuận lợi:**

*\* Khó khăn:*

Trong năm tài chính 2014, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long cũng chịu các khó khăn chung của nền kinh tế. Đồng thời, Công ty còn có các khó khăn riêng như: Hàng tồn kho ở mức rất cao, tổng vốn vay trả lãi có số dư lớn nhất từ trước đến nay. Mặt khác, quy mô doanh nghiệp nhỏ nhưng cấu trúc công kênh, hoạt động sản xuất chủ yếu là thủ công, hệ thống máy móc thiết bị còn đơn giản, lao động phổ thông nhiều, tổng số lao động cao hơn nhiều so với nhu cầu sản xuất kinh doanh, dòng vốn thì bị tản mát và một số nằm ở những tài sản kém thanh khoản, từ đó dẫn đến chi phí tăng cao, ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh.

*\* Thuận lợi:*

- Thương hiệu “Vang Thăng Long” là một thương hiệu còn có chỗ đứng trên thị trường.
- Công ty có HĐQT tâm huyết, Ban điều hành hành động quyết liệt và toàn thể CBCNV đoàn kết, nỗ lực trong công việc.
- Đặc biệt, Công ty đã được sự ủng hộ toàn diện của Tổng công ty Thương mại Hà Nội cả về đường lối, chiến lược đến hỗ trợ tài chính.

###### **1.2. Những kết quả đạt được trong năm tài chính 2014:**

###### **1.2.1. Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:**

Trong năm tài chính 2014, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã thực hiện một cách quyết liệt, việc tái cấu trúc doanh nghiệp bao gồm cả tái cấu trúc hoạt động và tái cấu trúc nguồn lực.

*\* Tái cấu trúc hoạt động:*

Công ty đã đặt việc tái cấu trúc hoạt động là công tác quan trọng. Trong năm tài chính 2014, Công ty đã sắp xếp lại các hoạt động trong sản xuất kinh doanh cho phù hợp và gọn nhất có thể, loại bỏ các bộ phận hoạt động không hiệu quả (đã giải thể 2 chi nhánh làm ăn không có lãi). Đồng thời, Công ty đã đưa máy móc, thiết bị hiện đại, tự động vào sản xuất thay thế dần hoạt động thủ công nhằm tăng năng suất lao động và vệ sinh an toàn thực phẩm như: Máy dán tem thuốc, máy in - máy sấy nhãn vodka, máy lọc rượu vodka và đang tiến hành đưa máy chiết rót, máy xiết nút tự động vào sản xuất.

*\* Tái cấu trúc nguồn lực:*

Công ty đặt nhiệm vụ tái cấu trúc nguồn lực là công tác trọng tâm.

- Đối với nguồn nhân lực: Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo và cơ cấu lại cho đúng người - đúng việc. Trong năm tài chính 2014, tổng số lao động đã giảm từ 175 lao động xuống còn 135 lao động (tỷ lệ giảm 22% so với cuối năm 2013) nhưng vẫn đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đối với nguồn lực đất đai: Công ty đã tổ chức khai thác triệt để tất cả các mặt bằng Công ty quản lý và đã tạo được nguồn thu đáng kể từ công tác này.

- Đối với nguồn lực tài chính: Công ty cơ cấu lại nợ, chuyển vay ngắn hạn sang vay dài hạn và cân chỉnh các hoạt động cho hợp lý để giảm công nợ. Năm tài chính 2014 Công ty giảm 17% tổng số nợ so với cuối năm 2013.

###### **1.2.2. Kết quả sản xuất kinh doanh đã được kiểm toán:**



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 88,3 tỷ đồng, đạt 80,27% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 giao.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 2,47 tỷ đồng, đạt 82,33 % so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 giao.

+ Cổ tức đạt 6% (Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014: Tối thiểu 6%)

### 2. Phương hướng hoạt động của HĐQT trong năm tài chính 2015:

Năm tài chính 2015 (từ 01/4/2015 đến 31/3/2016) với rất nhiều thách thức, khó khăn trước mắt: Nhà nước tăng thuế đất và thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 quy định đóng bảo hiểm cho người lao động theo mức lương và phụ cấp lương thực tế làm cho chi phí của Công ty tăng lên.

Trước các khó khăn trên, HĐQT Công ty đã định hướng:

- Tiếp tục tái cấu trúc doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và chất lượng nguồn lực của doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị để tăng tính chuyên nghiệp và giảm chi phí quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tập trung nguồn lực đẩy mạnh sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Vang nhãn vàng. Đồng thời, tiếp tục đang dạng hóa sản phẩm theo nhu cầu của người tiêu dùng như: Vodka, vang chất lượng cao và luôn hướng tới việc nâng cao doanh số của các sản phẩm này.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

\* Danh sách thành viên HĐQT từ ngày 01/4/2014 đến ngày 03/6/2014: HĐQT gồm 05 thành viên:

- |                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| 1. Ông Phạm Xuân Hà      | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Chu Xuân Kiên     | - Ủy viên       |
| 3. Bà Tô Thanh Huyền     | - Ủy viên       |
| 4. Ông Đỗ Mạnh Hùng      | - Ủy viên       |
| 5. Bà Phan Thị Bích Ngọc | - Ủy viên       |

\* Danh sách thành viên HĐQT từ ngày 03/6/2014 đến 31/3/2015:

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 tổ chức ngày 03/6/2014, Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu thay đổi đại diện vốn nhà nước vào HĐQT nhiệm kỳ 2013 - 2018 như sau:

Bầu cử Ông Hoàng Minh Thọ, Ông Trần Vũ Tuấn và Ông Phạm Ngọc Quý vào HĐQT thay cho Ông Chu Xuân Kiên, Ông Đỗ Mạnh Hùng và Bà Tô Thanh Huyền.

Ông Phạm Xuân Hà tiếp tục đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vang Thăng Long.

#### 1.2. Hoạt động giám sát của HĐQT trong năm 2014:

Trong năm tài chính 2014, HĐQT Công ty Cổ phần Vang Thăng Long luôn coi trọng công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật.

Trong năm tài chính 2014, HĐQT Công ty đã tiến hành triệu tập họp 05 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Qua các cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng, HĐQT Công ty đã ban hành 04 Nghị quyết và 10 Quyết định chỉ đạo đối với các hoạt động của Công ty một cách kịp thời, cùng Ban điều hành thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

**2. Ban kiểm soát:****2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát gồm các thành viên:

- |                         |                        |
|-------------------------|------------------------|
| 1. Bà Trần Thu Hà       | - Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan | - Ủy viên              |
| 3. Bà Nguyễn Bích Thu   | - Ủy viên              |

**2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm tài chính 2014, Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT mở rộng.

Ban kiểm soát Công ty luôn theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban kiểm soát đã tổ chức các buổi làm việc tại Công ty để kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn và kiểm tra số liệu của báo cáo tài chính năm. Chuẩn bị đầy đủ số liệu để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành:****3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm tài chính 2014 (từ 01/4/2014 đến 31/5/2015) của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành đương nhiệm tại thời điểm 31/3/2015:

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	
2	Hoàng Minh Thọ	Ủy viên HĐQT	30.000.000	
3	Trần Vũ Tuấn	Ủy viên HĐQT	30.000.000	
4	Phạm Ngọc Quý	Ủy viên HĐQT - Phó giám đốc	104.000.000	
5	Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT	36.000.000	
6	Trần Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000	
7	Phạm Thị Ngọc Lan	Ủy viên BKS	86.828.724	
8	Nguyễn Bích Thu	Ủy viên BKS	130.602.036	
9	Phạm Văn Vinh	Phó giám đốc	155.290.723	
10	Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	139.198.267	

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên rút khỏi danh sách HĐQT, BKS trong năm tài chính 2014:

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Chu Xuân Kiên	Ủy viên HĐQT	9.000.000	
2	Tô Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc thường trực	216.608.770	
3	Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	9.000.000	
4	Vũ Minh Đức	Phó giám đốc	81.815.879	

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

**1. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/3/2015 của Công ty cổ phần Vang Thăng Long:**

*\* Đơn vị thực hiện kiểm toán:* Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội

*\* Ý kiến của kiểm toán viên tại Báo cáo kiểm toán số: 194/2015/BCKT-AASCN ngày 11/5/2015 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt:*

“Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

**2. Báo cáo tài chính năm tài chính 2014 được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2014 (từ 01/4/2014 đến 31/3/2015) của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>80.774.987.007</b>	<b>80.893.309.927</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.682.501.337</b>	<b>7.867.623.577</b>
1.	Tiền	111	V.01	3.932.501.337	4.117.623.577
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.750.000.000	3.750.000.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.773.992.782</b>	<b>18.092.321.559</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		17.486.913.444	14.971.846.936
2.	Trả trước cho người bán	132		1.618.308.899	1.746.733.761
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.668.770.439	1.373.740.862
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>51.224.238.412</b>	<b>54.157.642.447</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	51.224.238.412	54.157.642.447
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.094.254.476</b>	<b>775.722.344</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		145.209.569	110.658.723
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		82.721.822	191.555.334
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	18.003.195	18.418.487
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	848.319.890	455.089.800

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.921.676.523</b>	<b>21.307.434.161</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>291.880.000</b>	<b>44.380.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.06	291.880.000	44.380.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.816.017.640</b>	<b>8.903.374.566</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	9.784.876.291	5.983.644.710
	- Nguyên giá	222		45.420.970.195	40.799.285.025
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.636.093.904)	(34.815.640.315)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	44.399.483	54.284.711
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(50.600.517)	(40.715.289)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	2.986.741.866	2.865.445.145
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>7.474.754.480</b>	<b>7.805.211.512</b>
1.	Nguyên giá	241		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(786.671.323)	(456.214.291)
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.139.024.403</b>	<b>3.354.468.083</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3.139.024.403	3.354.468.083
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>105.696.663.530</b>	<b>102.200.744.088</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>75.065.265.241</b>	<b>71.812.245.339</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.484.882.519</b>	<b>67.965.505.836</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	47.024.054.772	58.541.939.002
2.	Phải trả người bán	312		402.240.138	1.021.673.716
3.	Người mua trả tiền trước	313		13.575.976.957	3.999.000.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	6.043.243.812	649.207.895
5.	Phải trả người lao động	315		673.967.123	162.561.472
6.	Chi phí phải trả	316	V.15	181.414.382	9.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	2.565.964.582	3.580.877.998
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18.020.753	1.245.753
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.580.382.722</b>	<b>3.846.739.503</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		509.488.387	1.065.258.273
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		17.782.142	17.782.142
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.17	4.053.112.193	2.763.699.088
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.631.398.289</b>	<b>30.388.498.749</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>30.600.238.289</b>	<b>30.299.438.749</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.475.755.461	1.863.277.098
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.124.482.828	1.436.161.651
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>31.160.000</b>	<b>89.060.000</b>
1.	Nguồn kinh phí	432	V.19	31.160.000	89.060.000
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>105.696.663.530</b>	<b>102.200.744.088</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		133.833.648	133.833.648
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Năm 2014**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.01	88.319.689.818	99.139.008.067
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	12.180.249.252	17.614.654.125
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.03	76.139.440.566	81.524.353.942
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	57.829.816.223	60.093.818.191
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		18.309.624.343	21.430.535.751
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	207.101.990	148.449.032
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	6.360.449.886	7.531.823.787
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.360.449.886	7.531.823.787
8.	Chi phí bán hàng	24		4.484.193.907	7.434.192.417
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.965.635.055	6.173.641.129
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		706.447.485	439.327.450
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	1.824.256.793	2.573.609.223
12.	Chi phí khác	32	VI.08	63.472.000	486.531.492
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		1.760.784.793	2.087.077.731
14.	<b>Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	45		-	-
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		2.467.232.278	2.526.405.181
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	563.911.101	148.101.721
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		1.903.321.177	2.378.303.460
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		1.903.321.177	2.378.303.460
19.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.10	705	881



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		100.781.868.148	92.000.695.532
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(52.850.796.981)	(73.806.487.204)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.654.456.791)	(11.756.069.893)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(6.180.342.546)	(7.531.823.787)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(303.296.791)	(5.224.736)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.387.634.069	3.204.397.853
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.232.175.432)	(21.488.243.446)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.948.433.676</b>	<b>(19.382.755.681)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.993.421.980)	(1.694.522.133)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2.099.000.000	340.909.091
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		204.337.189	148.449.032
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.690.084.791)</b>	<b>(1.205.164.010)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		65.502.092.638	96.811.222.680
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(75.730.563.763)	(74.733.468.214)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.215.000.000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(11.443.471.125)</b>	<b>22.077.754.466</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(185.122.240)</b>	<b>1.489.834.775</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>7.867.623.577</b>	<b>6.377.788.802</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>7.682.501.337</b>	<b>7.867.623.577</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2014

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

**04. Thông tin về Công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ		Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
		Tại ngày 31/3/2015	Tại ngày 31/3/2014	Tại ngày 31/3/2015	Tại ngày 31/3/2014
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%	100%

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Cơ sở hợp nhất**

*Các công ty con*

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

**02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

**03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc.

**04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*



## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

##### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

##### *Khấu hao*

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	25 năm
-----------	--------

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Tiền thuê đất trả trước;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND*

<b>01. Tiền</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	1.736.136.282	1.218.102.417
- Tiền gửi ngân hàng	2.196.365.055	2.899.521.160
<b>Cộng</b>	<b>3.932.501.337</b>	<b>4.117.623.577</b>
<b>02. Các khoản phải thu khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	1.668.770.439	1.373.740.862
<b>Cộng</b>	<b>1.668.770.439</b>	<b>1.373.740.862</b>
<b>03. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	5.029.126.218	6.553.511.207
- Công cụ, dụng cụ	631.320.821	408.131.342
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.802.196.943	26.773.783.044
- Thành phẩm	7.289.168.421	18.734.236.399
- Hàng hoá	1.045.552.728	1.137.239.091
- Hàng gửi đi bán	3.426.873.281	550.741.364
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>51.224.238.412</b>	<b>54.157.642.447</b>
<b>04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	818.269	818.269
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	17.184.926	17.600.218
<b>Cộng</b>	<b>18.003.195</b>	<b>18.418.487</b>
<b>05. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	848.319.890	455.089.800
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>848.319.890</b>	<b>455.089.800</b>
<b>06. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu dài hạn khác	291.880.000	44.380.000
<b>Cộng</b>	<b>291.880.000</b>	<b>44.380.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>10.972.065.762</i>	<i>25.988.158.258</i>	<i>2.322.644.990</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.167.176.197</i>	<i>40.799.285.025</i>
- Mua trong năm	-	2.975.442.500	600.000.000	-	479.545.455	4.054.987.955
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.482.529.515	-	-	-	-	1.482.529.515
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(503.705.000)	(412.127.300)	-	-	(915.832.300)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>12.454.595.277</i>	<i>28.459.895.758</i>	<i>2.510.517.690</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.646.721.652</i>	<i>45.420.970.195</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>9.029.631.763</i>	<i>22.932.219.446</i>	<i>1.566.439.353</i>	<i>330.366.644</i>	<i>956.983.109</i>	<i>34.815.640.315</i>
- Khấu hao trong năm	265.369.362	1.186.540.842	162.257.136	10.517.176	111.601.373	1.736.285.889
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(503.705.000)	(412.127.300)	-	-	(915.832.300)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>9.295.001.125</i>	<i>23.615.055.288</i>	<i>1.316.569.189</i>	<i>340.883.820</i>	<i>1.068.584.482</i>	<i>35.636.093.904</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.942.433.999</i>	<i>3.055.938.812</i>	<i>756.205.637</i>	<i>18.873.174</i>	<i>210.193.088</i>	<i>5.983.644.710</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>3.159.594.152</i>	<i>4.844.840.470</i>	<i>1.193.948.501</i>	<i>8.355.998</i>	<i>578.137.170</i>	<i>9.784.876.291</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 15.705.388.067 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.115.127.440 đồng và 3.818.514.328 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Hai Bà Trưng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>34.748.281</i>	<i>5.967.008</i>	<i>40.715.289</i>
- Khấu hao trong năm	5.510.232	4.374.996	9.885.228
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>40.258.513</i>	<i>10.342.004</i>	<i>50.600.517</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>25.251.719</i>	<i>29.032.992</i>	<i>54.284.711</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>19.741.487</i>	<i>24.657.996</i>	<i>44.399.483</i>

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
- Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
- Công trình 343 Lạc Long Quân	182.071.721	60.775.000
- Công trình 323 Vĩnh Hưng	901.319.090	901.319.090
<b>Cộng</b>	<b>2.986.741.866</b>	<b>2.865.445.145</b>

**10. Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>8.261.425.803</b>	-	-	<b>8.261.425.803</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>456.214.291</b>	<b>330.457.032</b>	-	<b>786.671.323</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	456.214.291	330.457.032	-	786.671.323
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>7.805.211.512</b>	-	<b>330.457.032</b>	<b>7.474.754.480</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà	7.805.211.512	-	330.457.032
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-

**11. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>		<b>1.200.000.000</b>		<b>1.200.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.200.000.000</b>		<b>1.200.000.000</b>

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	516.829.205	637.692.366
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.622.195.198	2.716.775.717
<b>Cộng</b>	<b>3.139.024.403</b>	<b>3.354.468.083</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>47.024.054.772</b>	<b>58.541.939.002</b>
- <b>Vay ngân hàng</b>	<b>29.239.711.319</b>	<b>42.700.880.561</b>
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Tây Hồ <sup>(a)</sup>	9.366.190.136	7.114.912.109
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(b)</sup>	5.599.625.183	14.583.571.045
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(c)</sup>	14.273.896.000	9.997.980.742
+ Ngân hàng TMCP Đông Á	-	10.537.872.497
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	466.544.168
- <b>Vay đối tượng khác</b> <sup>(d)</sup>	<b>17.784.343.453</b>	<b>15.841.058.441</b>
+ Công ty Thương mại dịch vụ Tràng Thi	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Các cá nhân	14.784.343.453	12.841.058.441
<b>Cộng</b>	<b>47.024.054.772</b>	<b>58.541.939.002</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội, lãi suất vay từ 11,5%/năm đến 12,5%/năm.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 05 xe ô tô và 03 xe nâng hàng, lãi suất vay từ 11%/năm đến 11,7%/năm.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang và thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 9%/năm đến 10,4%/năm.

(d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 11%/năm đến 13,5%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	2.100.462.863	373.114.147
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.459.529.412	147.779.165
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	455.711.356	79.558.580
- Thuế thu nhập cá nhân	27.540.181	42.756.003
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.043.243.812</b>	<b>649.207.895</b>

**15. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	70.814.382	-
- Chi phí khác	110.600.000	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>181.414.382</b>	<b>9.000.000</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	138.727.454	-
- Bảo hiểm xã hội	-	203.603.201
- Bảo hiểm y tế	1.573.200	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.425.663.928	3.377.274.797
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền hỗ trợ vốn bán hàng bình ổn giá</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
+ <i>Lãi vay phải trả</i>	<i>109.292.958</i>	<i>-</i>
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>316.370.970</i>	<i>1.377.274.797</i>
<b>Cộng</b>	<b>2.565.964.582</b>	<b>3.580.877.998</b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn</b>	<b>4.053.112.193</b>	<b>2.763.699.088</b>
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>4.053.112.193</i>	<i>2.763.699.088</i>
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 <sup>(a)</sup>	1.842.466.064	2.763.699.088
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(b)</sup>	2.210.646.129	-
<b>Cộng</b>	<b>4.053.112.193</b>	<b>2.763.699.088</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 để xây dựng nhà xưởng tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác hình thành trên đất tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, lãi suất vay là 13%/năm.

(b) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua ô tô 3,5 tấn hiệu Hyundai với lãi suất linh hoạt 4,9%/năm trong 06 tháng đầu, sau đó thay đổi theo lãi suất hiện hành, thời hạn thanh toán 4 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>21.088.000</b>	<b>8.805.595.673</b>	<b>1.863.277.098</b>	<b>(768.825.482)</b>	<b>27.921.135.289</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	2.378.303.460	2.378.303.460
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại và các quỹ	9.000.000.000	(21.088.000)	(8.805.595.673)	-	(173.316.327)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.863.277.098</b>	<b>1.436.161.651</b>	<b>30.299.438.749</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>						
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.903.321.177	1.903.321.177
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.215.000.000)	(1.215.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(387.521.637)	-	(387.521.637)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.475.755.461</b>	<b>2.124.482.828</b>	<b>30.600.238.289</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	10.800.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	16.200.000.000	16.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>27.000.000.000</u></b>	<b><u>27.000.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	9.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.215.000.000	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**19. Nguồn kinh phí**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Nguồn kinh phí dư đầu năm</b>	<b>89.060.000</b>	<b>205.400.000</b>
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	(57.900.000)	(116.340.000)
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b><u>31.160.000</u></b>	<b><u>89.060.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	23.616.717.650	27.835.042.253
- Doanh thu bán thành phẩm	59.135.224.672	66.513.452.902
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.433.013.799	3.506.337.166
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	2.134.733.697	1.284.175.746
<b>Cộng</b>	<b>88.319.689.818</b>	<b>99.139.008.067</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	697.632.167	-
- Hàng bán bị trả lại	975.503.242	6.929.906.768
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.507.113.843	10.684.747.357
<b>Cộng</b>	<b>12.180.249.252</b>	<b>17.614.654.125</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	23.582.325.883	27.781.489.043
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	46.989.367.187	48.952.351.987
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.433.013.799	3.506.337.166
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.134.733.697	1.284.175.746
<b>Cộng</b>	<b>76.139.440.566</b>	<b>81.524.353.942</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.014.621.493	26.887.822.801
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	31.583.319.669	30.025.720.583
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.801.387.112	2.674.195.729
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	430.487.949	506.079.078
<b>Cộng</b>	<b>57.829.816.223</b>	<b>60.093.818.191</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	204.337.189	148.449.032
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.764.801	-
<b>Cộng</b>	<b>207.101.990</b>	<b>148.449.032</b>

**06. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.360.449.886	7.531.823.787
<b>Cộng</b>	<b>6.360.449.886</b>	<b>7.531.823.787</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	1.778.363.636	2.179.909.091
- Thu nhập khác	45.893.157	393.700.132
<b>Cộng</b>	<b>1.824.256.793</b>	<b>2.573.609.223</b>

**08. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	240.985.533
- Chi phí khác	63.472.000	245.545.959
<b>Cộng</b>	<b>63.472.000</b>	<b>486.531.492</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	563.911.101	148.101.721
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>563.911.101</b>	<b>148.101.721</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.903.321.177	2.378.303.460
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.903.321.177	2.378.303.460
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>705</b>	<b>881</b>

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.816.559.701	35.683.019.820
- Chi phí nhân công	11.452.378.998	14.573.562.886
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.076.628.149	2.527.289.985
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.902.041.867	6.455.903.583
- Chi phí khác bằng tiền	4.600.760.898	7.326.491.942
<b>Cộng</b>	<b>41.848.369.613</b>	<b>66.566.268.216</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý tài sản cố định chưa thu được bằng tiền	1.696.200.000	1.839.000.000
- Tăng vốn điều lệ không bằng tiền	-	9.000.000.000

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	602.395.187	979.045.505
Tiền thưởng	173.155.404	-
Thù lao hội đồng quản trị	179.000.000	104.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>954.550.591</u></b>	<b><u>1.083.045.505</u></b>

**02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh, báo cáo bộ phận thứ yếu là theo khu vực địa lý.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Cho thuê tài sản và dịch vụ khác;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND*

	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	46.989.367.187	23.582.325.883	3.433.013.799	2.134.733.697	76.139.440.566
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	42.447.099.792	28.466.774.151	3.595.088.098	924.031.040	75.432.993.081
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.542.267.395	(4.884.448.268)	(162.074.299)	1.210.702.657	706.447.485
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	5.688.854.691	384.911.883	10.645.368	55.363.584	6.139.775.526
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.975.477.913	301.034.369	63.734.704	330.457.032	2.670.704.018
<b>Số dư tại cuối năm</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.736.045.456	9.854.754.168	1.282.405.741	8.272.186.389	95.145.391.754
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	10.551.271.776
<b>Tổng tài sản</b>	<b>75.736.045.456</b>	<b>9.854.754.168</b>	<b>1.282.405.741</b>	<b>8.272.186.389</b>	<b>105.696.663.530</b>
- Nợ phải trả bộ phận	46.315.319.647	23.244.044.913	3.383.768.307	2.104.111.621	75.047.244.488
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	18.020.753
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>46.315.319.647</b>	<b>23.244.044.913</b>	<b>3.383.768.307</b>	<b>2.104.111.621</b>	<b>75.065.265.241</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	<b>Lĩnh vực sản xuất</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	48.952.351.987	27.781.489.043	3.506.337.166	1.284.175.746	81.524.353.942
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	44.036.009.835	32.614.479.728	3.396.964.404	1.037.572.525	81.085.026.492
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.916.342.152	(4.832.990.685)	109.372.762	246.603.221	439.327.450
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.045.616.107	-	-	412.776.000	2.458.392.107
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.599.852.526	907.949.948	114.593.521	602.232.342	3.224.628.337
<b>Số dư cuối năm trước</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	61.224.614.874	16.010.222.037	4.002.555.509	10.521.987.229	91.759.379.649
- Tài sản không phân bổ					10.441.364.439
<b>Tổng tài sản</b>	<b>61.224.614.874</b>	<b>16.010.222.037</b>	<b>4.002.555.509</b>	<b>10.521.987.229</b>	<b>102.200.744.088</b>
- Nợ phải trả bộ phận	51.857.571.360	13.751.783.310	3.437.945.828	2.763.699.088	71.810.999.586
- Nợ phải trả không phân bổ					1.245.753
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>51.857.571.360</b>	<b>13.751.783.310</b>	<b>3.437.945.828</b>	<b>2.763.699.088</b>	<b>71.812.245.339</b>

*Khu vực địa lý:* Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.





**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**05. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	402.240.138	509.488.387	-	911.728.525
Vay và nợ	47.024.054.772	4.053.112.193	-	51.077.166.965
Chi phí phải trả	181.414.382	-	-	181.414.382
Các khoản phải trả khác	2.425.663.928	17.782.142	-	2.443.446.070
<b>Cộng</b>	<b>50.033.373.220</b>	<b>4.580.382.722</b>	<b>-</b>	<b>54.613.755.942</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	1.021.673.716	1.065.258.273	-	2.086.931.989
Vay và nợ	58.541.939.002	2.763.699.088	-	61.305.638.090
Chi phí phải trả	9.000.000	-	-	9.000.000
Các khoản phải trả khác	3.377.274.797	17.782.142	-	3.395.056.939
<b>Cộng</b>	<b>62.949.887.515</b>	<b>3.846.739.503</b>	<b>-</b>	<b>66.796.627.018</b>

**06. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.



